

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 8 - 2023

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Cúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/7/2027, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST – HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của anh Ngô Văn T ngày 03/2/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Ngô Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 26/02/2007 tại UBND xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 01/01/2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng nhau trong quan điểm sống. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên can hòa giải nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho tới nay, hai bên không quan tâm gì tới nhau. Nay anh xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Ngô Phan Kiều H, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Ngô Phan Kiều Vân, sinh ngày 26/8/2012. Hiện nay 02 con đang ở với anh. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Duy chỉ có 01 lần đến Tòa án nhưng không chịu làm việc và bỏ về. Vì vậy không có lời khai của chị T và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại UBND xã Đ nơi chị T cư trú theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 10/04/2023 ông Ngô Văn Tú là bố đẻ của anh T trình bày: Anh T và chị T kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn anh T và chị T sống cùng với ông bà. Trong quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận với nhau, cho tới tháng 9/2022 chị T thường xuyên đưa bạn bè khác giới về nhà ăn chơi rượu chè, anh T cũng đã khuyên can chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi, nên anh T làm đơn ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Phan Kiều H và cháu Ngô Phan Kiều Vân. Hiện tại hai cháu đang ở với ông bà nội và anh T. Về tài sản và công nợ chung: Ông không biết vợ chồng có tài sản chung và công nợ chung gì.

Tại phiên tòa: Anh T vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt. Chị T vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định. Về Hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Phan Thị T. Về con chung: Giao cháu Ngô Phan Kiều H và cháu Ngô Phan Kiều Vân cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa anh T vắng mặt có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh T và chị T sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Chị T biết anh T xin ly hôn nhưng không về Tòa án để tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, không có biện pháp níu kéo hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ chị T cũng không thiết tha đến cuộc sống vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp.

2.2. *Về con chung:* Anh T và chị T có 02 con chung là Ngô Phan Kiều H, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Ngô Phan Kiều Vân, sinh ngày 26/8/2012. Nguyên vọng của anh T được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của anh T chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, các con đều có nguyện vọng muốn ở với anh T. Về phần chị T không về giải quyết vụ án, không có quan điểm về nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho anh T nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung:* Anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về công nợ chung*: Anh T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.5. *Về án phí*: Anh T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T.

Về hôn nhân: Chấp nhận anh Ngô Văn T được ly hôn chị Phan Thị T.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phan Kiều H, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Ngô Phan Kiều Vân, sinh ngày 26/8/2012. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà anh T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003735 ngày 06/02/2023. Chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh T và chị T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng